

BẢN CHẤT VÀ NỘI DUNG CỦA GIÁO DỤC NHÂN VĂN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

*THE NATURE AND CONTENT OF HUMANISTIC EDUCATION
FOR VIETNAMESE PEOPLE DEVELOPMENT TODAY*

NGUYỄN VĂN HUYỀN^(*)

TÓM TẮT: Giáo dục nhân văn là giáo dục vì lý tưởng cao đẹp nhất mà loài người mong muốn, nhằm những mục đích cao đẹp – mục đích của chính mình và mục đích của xã hội. Tư tưởng nhân văn đối với việc phát triển con người Việt Nam trong tương lai đã được Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam gìn giữ và không ngừng phát huy.

Từ khóa: nhân văn, giáo dục nhân văn, sự phát triển con người Việt Nam.

ABSTRACT: Humanity education is the education for the highest ideal that humanity's desires, for their own purpose and community's purpose. Humanistic thinking for the future development of the Vietnamese people has been maintained and continuously promoted by the Party, the State and the people.

Key words: humanities, humanities education, people development in Vietnam.

1. BẢN CHẤT CỦA GIÁO DỤC NHÂN VĂN VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

Khi sinh ra, mỗi con người mới chỉ là một cá thể, về cơ bản, mang những bản chất và bản tính tự nhiên. Cá thể đó lớn lên và trưởng thành như một con người thông qua sự lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội bao gồm toàn bộ quá trình tiếp xúc với môi trường bên ngoài, các tri thức khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, pháp lý, đạo đức,... Bằng chính hoạt động giao tiếp, ứng xử, lao động, tranh đấu trong cuộc sống, thông qua hoạt động nhận thức và cải tạo xã hội và thiên nhiên..., ở các cá thể hình thành và phát triển “bản tính thứ hai” (Hêghen) - bản tính con người. Toàn bộ quá trình hình thành và phát triển “bản tính con người” đó, thực chất là quá trình tự giáo dục và giáo dục của chính con người. Sự tiếp thu của mỗi cá thể đối với kinh nghiệm lịch sử

- xã hội chính là sự thẩm thấu tinh hoa văn hóa nhân loại vào trong mỗi cá thể - đó là sự tự giáo dục, tự văn hóa hóa. Sự tác động một cách tự giác có chủ đích các kinh nghiệm lịch sử - xã hội, văn hóa cộng đồng, văn minh nhân loại lên mỗi cá thể chính là sự giáo dục, giáo hóa con người. Tự giáo dục và giáo dục là hai mặt của một quá trình thống nhất trong sự chuyển hóa biện chứng của sự phát triển con người.

Triết lý nhân văn quan niệm giáo dục như một quá trình “sinh - dưỡng” (sinh ra và duy dưỡng) liên tục từ thấp đến cao những tổ chất người, tức là quá trình cá nhân không ngừng tiếp biến văn hóa - văn minh nhân loại thành văn hóa - văn minh của riêng mình để trở thành một nhân cách phát triển cao. Trong quá trình đó, giáo dục với tư cách là hoạt động nhằm tác động một cách có chủ đích, có hệ thống đến sự phát

^(*) GS.TS. Nguyên Viện trưởng Viện Chính trị học, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung Ương

triển mỗi con người, làm cho con người đó ngày càng nâng cao được những phẩm chất và năng lực do yêu cầu xã hội và cá nhân đề ra,... là phương thức tích cực và hiệu quả đối với việc phát triển Người, tức là đối với mục đích giáo dục nhân văn.

Như vậy, giáo dục nhân văn là giáo dục vì lý tưởng cao đẹp nhất mà loài người mong muốn. Giáo dục nhân văn không chỉ là một quá trình “duy dưỡng” theo những mục đích tùy tiện, mà là thực hiện hướng hình thành và phát triển những cá nhân ngày càng có nhiều phẩm chất Người - đó là những Con Người được phát triển toàn diện các tư chất, năng khiếu, tài năng; được thể hiện sức mạnh bản chất của mình vì những mục đích cao đẹp – mục đích của chính mình và mục đích của xã hội.

Với bản chất đó, giáo dục nhân văn là vấn đề có tính nhân loại và tính toàn cầu. Bởi thực tế lịch sử giáo dục của xã hội loài người cho thấy: một mặt, bất cứ quốc gia nào cũng thực hiện giáo dục cho các thế hệ người của mình; mặt khác, sản phẩm giáo dục (con người) của các quốc gia với các hệ thống giáo dục khác nhau lại mang những đặc trưng phẩm chất khác nhau. Ở đây (ngoại trừ trường hợp những cá nhân có khuynh hướng cá biệt), có vấn đề lý tưởng xã hội, mục tiêu giáo dục và quan điểm giáo dục. Lý tưởng xã hội khác nhau dẫn đến mục tiêu và quan điểm giáo dục khác nhau. Cùng là giáo dục nhưng nhiều nền giáo dục khác nhau đã tạo ra những con người khác nhau, trong đó có những mẫu người có thể phát triển rất cao mặt này nhưng lại thiếu hụt trầm trọng mặt kia. Có người phát triển cao về trí tuệ nhưng phẩm chất đạo đức và văn hóa lại thấp. Có người

có học thức phong phú nhưng lại thiếu chất nhân văn và thậm chí hành động ngược lại với lý tưởng nhân văn; không chỉ không phấn đấu cho tiến bộ xã hội mà còn cản trở, thậm chí xâm hại thành quả tiến bộ xã hội!

Rõ ràng, triết lý giáo dục nhân văn hiện đang là vấn đề bức bách đối với nhân loại. Giáo dục nhân văn và phát triển con người là hai phạm trù nhưng thực sự cùng mang một nội dung bản chất: giáo dục nhân văn, tự nó hàm chứa phát triển con người. Phát triển con người có nghĩa là hướng con người vươn tới những phẩm chất và giá trị nhân văn. Hoặc có thể nói, chỉ có con người nhân văn mới là con người phát triển đúng nghĩa của nó.

2. THỰC TRẠNG CỦA GIÁO DỤC NHÂN VĂN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM THỜI GIAN QU

Lý tưởng phát triển con người theo hướng nhân văn ở Việt Nam thể hiện rõ trong nền văn hiến lâu đời, trong lịch sử văn hóa, văn học, nghệ thuật phong phú của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, trong các chế độ xã hội khác nhau, lý tưởng đó không được thực hiện thực sự đúng nghĩa và hoàn toàn đầy đủ.

Suốt hơn một nghìn năm Bắc thuộc, nền giáo dục Việt Nam được tiến hành chủ yếu theo tư tưởng Nho giáo. Theo chuẩn mực của nền giáo dục này, nhiều phẩm chất con người được chú trọng (trung hiếu, nhân nghĩa, tu thân, khiêm tốn, học hỏi, ôn hòa,...), song nhìn chung là phiến diện và nhiều giá trị lệch lạc. Mục đích của nền giáo dục Nho giáo là tạo ra những người quân tử, những bậc trượng phu thông lâu kinh sử, nhưng khi hành động thì lại lấy các quy phạm lễ nghĩa làm đầu, cốt sao giữ yên

nền nếp phong kiến; đó là những con người lệ thuộc và phục tùng - “khắc kỷ phục lễ”!

Hơn 80 năm dưới chế độ thống trị của thực dân Pháp, người dân Việt Nam mất quyền làm chủ đất nước, mất cả quyền làm người. Nền giáo dục do thực dân Pháp tiến hành ở Việt Nam là trang bị kiến thức phương Tây cho một số ít người Việt Nam nhằm dùng người Việt trị người Việt. Nền giáo dục đó không thực sự mang ý nghĩa “khai hóa văn minh” (như người Pháp nói), lại càng không hề có ý nghĩa nhân văn, mà thực chất đó là văn hóa nô dịch.

Thực hiện lý tưởng giáo dục nhân văn, từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (1945), với bản chất chế độ xã hội mới, Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm đến bản chất, nội dung đúng đắn về phát triển con người. Bằng môi trường xã hội mới - nền dân chủ theo hướng xã hội chủ nghĩa; bằng tinh thần lao động mới - lao động làm chủ đất nước, lao động sáng tạo vì một nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh, con người hạnh phúc, Chính phủ Việt Nam đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để toàn dân được tự giáo dục và được giáo dục đúng hướng.

Với một hệ thống giáo dục từ Trung ương đến địa phương, ngay từ những thập niên mới hòa bình, nền giáo dục Việt Nam đã nâng cao tầm dân trí và điều đặc biệt quan trọng là bước đầu xây dựng được những chủ thể lao động có tri thức, có trình độ nhất định về khoa học, kỹ thuật và năng lực làm chủ xã hội, xây dựng một xã hội mới - xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu giáo dục của nhà nước Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa là xây dựng những con người phát triển toàn diện, “vừa hồng vừa chuyên” (Hồ Chí Minh) - những chủ nhân xã hội có phẩm chất đạo đức trong

sáng, trung hiếu với nhân dân và có trình độ chuyên môn cao. Con người lý tưởng mà nền giáo dục xã hội chủ nghĩa vươn tới là con người phát triển toàn diện và hài hòa “trí, đức, thể, mỹ”, những con người có khả năng từng bước làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên (C. Mác).

Mẫu hình giáo dục đó là hết sức cao đẹp. Tuy nhiên, giữa lý tưởng và hiện thực bao giờ cũng có những khoảng cách. Hơn nữa, tính khả thi của một nền giáo dục luôn đi liền với những điều kiện kinh tế - xã hội của một quốc gia. Qua nửa thế kỷ phấn đấu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, Việt Nam đã tạo ra được bước nhảy vọt về nhiều mặt so với lịch sử của mình. Về phát triển con người: những phẩm chất, giá trị truyền thống quý báu của dân tộc được phát huy cao độ; những phẩm chất chính trị và bản lĩnh con người được rèn luyện; học vấn và sự hiểu biết, khoa học, kỹ thuật, năng lực lao động và văn hóa nói chung, lối sống nói riêng được nâng lên một trình độ cao.

Tuy nhiên, sự chiếm lĩnh những mục tiêu con người phát triển là một quá trình. Quan niệm và thực tiễn giáo dục, do những hạn chế lịch sử, kể cả nhận thức, thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế. Những tiêu chí về con người phát triển còn có những mặt thiên lệch và thiếu hụt. Nhu cầu giáo dục tinh thần xã hội chủ nghĩa cao nhiều khi làm cho mục tiêu con người “vừa hồng vừa chuyên” bị phá vỡ, con người đạo đức được chú trọng hơn con người tài năng. Mặt khác, do cần nhanh chóng nâng cao trình độ dân trí mà giáo dục chủ yếu tập trung vào con người kiến thức - hiểu biết, ít quan tâm đến con người hành động - thực hành. Khả năng biến tri thức thành kỹ năng thực

hành; việc vận dụng kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào lao động sản xuất cũng như các hoạt động xã hội ở người Việt Nam hiện nay còn yếu. Từ chỗ thiếu lý thuyết, qua mấy chục năm giáo dục, con người Việt Nam hiện nay lại quá thiên về lý thuyết, ít chú ý tạo ra những con người năng động, sáng tạo, chưa thật quý trọng giá trị sáng tạo. Do điều kiện kinh tế - xã hội, mô hình giáo dục lý tưởng “trí, đức, thể, mỹ” chưa được phát triển cân đối: mặt thể chất bị xem nhẹ; mỹ dục chưa trở thành phương diện thiết yếu trong cấu trúc nhân cách. Các khía cạnh quan hệ con người cá nhân - con người tập thể, con người tự nhiên - con người xã hội, con người lý trí - tình cảm, con người như là sản phẩm lịch sử và con người như là chủ thể tạo ra lịch sử, con người hiện tại - con người tương lai,... chưa được kết hợp đầy đủ trong một chỉnh thể thống nhất và hài hòa.

Sự chuyển biến mạnh mẽ của thời đại, sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước mở ra nhiều cách nhìn mới, tư duy mới về mọi mặt của cuộc sống, trong đó có những vấn đề như thang giá trị con người, các tiêu chí nhân văn về con người, vấn đề mẫu người theo lý tưởng nhân văn. Trên thế giới những năm gần đây xuất hiện nhiều mẫu người. Triết gia người Anh - Drucker nêu lên 5 mẫu người thời đại: con người tinh thần, con người trí tuệ, con người hùng, con người kinh tế, con người tâm lý. Nhà triết học người Bungari V. Prodanop lại đưa ra các mẫu người: con người cách mạng, con người đa diện, con người cực quyền, con người chính trị, con người tư tưởng, con người giáo dục, con người kinh doanh, con người văn hóa,...

Ở Việt Nam, trong bối cảnh chuyển đổi lớn các hệ giá trị, hiện nay đang có thể tạm gọi có sự đấu tranh giữa “con người kinh tế” và “con người đạo đức”, “con người công chức” và “con người kinh doanh”, “con người tập thể” và “con người cá thể”, đặc biệt, trong phát triển khoa học công nghệ 4.0 hiện nay, đó là “con người thông minh”, “con người hành động”, “con người khám phá và sáng tạo”,... Thực trạng đó thể hiện sự chuyển biến quan trọng trong nhận thức và quan niệm lý tưởng về con người trong khát vọng tìm ra những hướng đi thích hợp nhất cho mục tiêu nhân đạo Việt Nam nói chung, giáo dục nhân văn Việt Nam nói riêng.

3. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM THEO LÝ TƯỞNG NHÂN VĂN

Loài người đang bước tự tin qua thập niên đầu thiên niên kỷ thứ ba với đặc điểm của kinh tế tri thức và khoa học công nghệ lần thứ tư (4.0). Điều đó về nguyên tắc cũng có nghĩa, đòi hỏi về hàm lượng nhân văn trong con người đã đạt tới mức rất cao. Mặt khác, nhu cầu phát triển con người cũng tiến lên một trình độ mới, rất đa dạng và với nhiều đặc trưng mới. Xã hội Việt Nam, nền giáo dục Việt Nam tiếp tục thực hiện lý tưởng giáo dục của mình, phấn đấu tạo ra những con người theo mẫu hình có chất nhân văn cao nhất.

Phát triển thể chất là cơ sở đầu tiên của một con người phát triển theo hướng nhân văn. Người Việt Nam thuộc chủng người nhỏ hơn so với nhiều chủng người khác. Tất nhiên, sức khỏe và sự cường tráng của một cơ thể không chỉ phụ thuộc vào chiều cao và trọng lượng, song đó cũng là những chỉ số quan trọng. Giáo dục thể

chất với khoa học hiện đại và các điều kiện kinh tế - xã hội tốt cần làm tăng dần các chỉ số hình thể. Điều đặc biệt trong phát triển thể chất là phát triển bộ não, huy động tối đa khả năng hoạt động của não, rèn luyện độ linh hoạt và tinh nhạy của “bộ máy thông minh” người Việt. Phát triển thể chất cũng có nghĩa là làm tinh nhuệ hóa các khí quan thao tác, cảm giác, xúc giác,... Đó là những điều kiện tiên quyết để mỗi con người hy vọng đạt tới những đỉnh cao của cuộc sống.

Thể chất phát triển là nền tảng đầu tiên của sự *phát triển trí tuệ*. Bộ não là hiện thân vật chất của trí tuệ. Hàm lượng trí tuệ của não tăng lên trong quá trình tự giáo dục và giáo dục. Nhưng giáo dục nhân văn không chỉ đơn thuần là “nạp” kiến thức vào não. Điều quyết định nhất đối với việc phát triển não là luyện trí thông minh với phương pháp tư duy uyển chuyển, năng động và sắc bén, với sự thu nạp và vận động theo hướng mở. Đó chính là tố chất không thể thiếu của một trí tuệ hiện đại, mà muốn vươn tới tầm sáng tạo trong thời đại hiện nay thì mỗi người phải có. Hệ thống mở cũng cho phép con người trí tuệ tự tin lựa chọn thông tin, chủ động xác định hướng đi đúng, cách tiến hành hoạt động tối ưu.

Tinh thần (tinh cảm) là hệ quả trực tiếp của thể chất và trí tuệ. Khi thể chất cường tráng, trí tuệ minh mẫn và phong phú thì tinh thần sáng khoái và sáng trong. Tinh thần sáng khoái và sáng trong ở mỗi cá nhân nâng tâm hồn, phẩm chất của con người lên, thôi thúc con người hành động vì điều hay lẽ phải. Thực tế cuộc sống cho thấy đời sống tinh thần cao hơn nhiều lần

đời sống vật chất. Có nhà văn đã từng nói: *“Tâm hồn con người còn nặng gấp nghìn lần thể xác con người”*. Thế giới tinh thần được giải tỏa, tình cảm được rung lên là lúc người ta được giải phóng mọi sức mạnh bản chất người, mọi tiềm năng người; đó cũng là lúc cá nhân được gắn với cộng đồng, cá nhân gắn với xã hội, con người giao hòa với thiên nhiên - vũ trụ. Đó chính là hạnh phúc của con người - mục đích cao quý mà cuộc sống hằng vươn tới.

Đạo đức vừa là những chuẩn mực, những quy ước xã hội để cả cộng đồng được tự do hòa mục bên nhau, vừa là nhu cầu tinh thần mà con người tự nêu lên để phấn đấu vươn tới. Triết gia người Đức I.Kant hết sức tinh tế khi cho rằng, đạo đức là lĩnh vực mà con người vượt qua được giới hạn “bất khả tri” của lý tính để vươn tới tự do. Vươn tới tự do là vươn tới sự thánh thiện. Phát triển ý thức đạo đức, tình cảm đạo đức và hành vi đạo đức, dù ở thời đại nào cũng là thuộc tính tinh thần - thực tiễn và nhu cầu thiết yếu của con người - xã hội; cho nên là bộ phận không thể thiếu của một cấu trúc nhân cách phát triển; và do vậy, bao giờ cũng là mục tiêu của giáo dục nhân văn.

Khi phân loại nhu cầu của con người, nhà xã hội học người Mỹ H. Maslow đã xếp nhu cầu thẩm mỹ lên đỉnh điểm của tam giác nhu cầu. Nhà tâm lý học người Nga Rubinstein cũng cho rằng, nhu cầu thẩm mỹ là loại nhu cầu Người nhất. Thẩm mỹ là chất được thăng hoa bởi sự kết hợp hài hòa và hoàn thiện các yếu tố giá trị nhận thức, giá trị đạo đức, ý nghĩa cuộc sống, thỏa mãn nhu cầu đẹp của con người. Do vậy, *yếu tố thẩm mỹ* trong cấu trúc

người chiếm vị trí đặc biệt. Nó là đỉnh cao của tổ hợp các phẩm chất người. Sự phát triển ý thức thẩm mỹ, tình cảm thẩm mỹ, tri thức và năng lực thẩm mỹ của con người chính là lĩnh vực tự do và rất nhạy cảm của thế giới tinh thần, đưa con người tới trạng thái hài hòa chân - thiện - mỹ.

Trên đây là các phẩm chất nhân văn cấu thành chính thể của một nhân cách do lịch sử và văn hóa nhân loại tạo nên. Nhưng con người theo đúng nghĩa lý tưởng nhân văn không thể chỉ là chính thể như là sản phẩm của lịch sử và văn hóa. Mặt quan trọng hơn của con người là ở tư cách chủ thể tạo ra lịch sử - văn hóa, tức là con người, bằng tất cả sức mạnh và tài năng tác động vào xã hội, tự nhiên, xây dựng cuộc sống theo mục đích chân chính.

Nói cách khác, bản chất và mục tiêu giáo dục nhân văn trong xã hội hiện nay không thể chỉ là xây dựng, phát triển con người đạo lý, công lý và nhân lý, mà còn là những công dân có ý thức và tài năng tác động vào ngoại giới để ngày càng tạo ra bộ mặt xã hội mới, thỏa mãn ngày càng cao yêu cầu chân chính của chính con người.

Con người đó, trước hết có khả năng kết hợp nhuần nhuyễn *lý thuyết và thực hành*, biến tri thức thành kỹ năng; có thể đặt mình vào công nghệ thực hành của một lĩnh vực chuyên môn. Điều đó có nghĩa, ở con người lý trí, trí tuệ phát triển cao, trí tuệ không chỉ là tri thức mà biến thành “bộ não” nhạy bén, không chỉ thể hiện ở “sự biết” mà ở sự tinh thông và “khéo léo”. Ở con người này, trí tuệ phải được huy động, phải được kích hoạt để nó trở thành tuệ năng – một trí tuệ chứa đầy năng lượng,

luôn tìm kiếm, khám phá, sáng tạo ra giá trị mới cho cuộc sống.

Như vậy, đặc trưng nổi bật ở con người hành động còn là *khả năng sáng tạo*. Cuộc sống hiện đại đòi hỏi con người phải vận dụng kho năng lực tổng hợp theo kiểu tư duy năng động, tích cực. Những cá nhân tồn tại như những “kho bách khoa tri thức” xưa nay không hiếm. Vấn đề là từ kho tri thức đó, bằng cách nhìn mới, cách nghĩ mới, thông qua quy luật vận động của thiên nhiên và xã hội, chủ thể vạch ra được hướng đi mới. Đó là tính năng động lịch sử của cá nhân. Chỉ với tính năng động sáng tạo đó người ta mới có thể tạo ra được khả năng để từng bước làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, đi sâu khám phá bí mật của thế giới, tìm ra hướng đi tối ưu cho phát triển xã hội.

Nhà giáo dục học người Nhật Bản T.Makiguchi, ngay từ đầu thế kỷ trước đã nêu lên quan điểm rất đúng rằng: Cuộc sống con người là một quá trình tạo ra giá trị, và đồng thời với quá trình sáng tạo đó của chủ thể, nhân phẩm của bản thân chủ thể đó cũng được hình thành. Theo ông, giáo dục cần hướng con người đi tới mục tiêu đó.

Con người hiện đại cũng phải là con người có khả năng chuyên học vấn, kinh nghiệm thành văn hóa; kiến tạo nên sự tiến bộ văn hóa của cá nhân cũng như của xã hội. Mỗi người tự giáo dục để tạo ra giá trị văn hóa cho mình; đồng thời cũng phải trở thành nhà giáo dục - tạo ra giá trị văn hóa cho người khác. Đối với giáo dục nhân văn, vấn đề không phải là con người “*phải như thế nào*”, mà là con người “*có khả năng và sẽ có khả năng ra sao*” trước sứ mệnh lịch

sử đối với sự phát triển văn hóa của chính mình cũng như của cộng đồng. Hướng phát triển như vậy, thực sự là hệ thống mở đối với sự phát triển con người văn hóa. Đó chính là điều kiện mở rộng tự do phát triển con người trước trách nhiệm cũng như ý nguyện và khả năng của con người.

Nhưng con người không phải chỉ biết sáng tạo ra lịch sử, văn hóa, nghĩa là nó không chỉ *biết hy sinh và cống hiến*. Tất nhiên, trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới và với tư cách là chủ thể tạo ra văn hóa thì hy sinh và cống hiến vừa là nghĩa vụ vừa là niềm vinh quang. Nhưng đặc trưng quan trọng nhất trong cuộc sống mỗi con người, cuối cùng, đó là được hưởng thụ và được thưởng ngoạn một cách hợp lý, chính đáng những thành quả do mình sáng tạo ra. Với ý nghĩa nhân văn, thì thưởng ngoạn và hưởng thụ chính đáng và hợp lý chính là mục tiêu vươn tới lý tưởng của loài người.

Để bảo vệ và thực hiện lý tưởng đó, con người sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân, hy sinh cả chính bản thân mình. Chịu đựng và hy sinh, đó là ý chí vượt qua sự cản trở của cái xấu, cái ác, để đạt tới cái tốt, cái đẹp - tới hạnh phúc con người. Thưởng ngoạn và hưởng thụ (với nghĩa chân chính và hợp lý) phải là một nhu cầu và khả năng lớn trong con người hiện đại. Cách hưởng thụ đúng, trình độ thưởng ngoạn cao - đó là trình độ văn hóa của nhân cách phát triển cao. Quá trình tiến bộ đi tới tự do, hạnh phúc chân chính là quá trình giảm dần mẫu số hy sinh, chịu đựng, tăng dần tử số hưởng thụ, thưởng ngoạn; phát triển văn hóa

hưởng thụ và thưởng ngoạn cho mỗi người. Đó thực sự là đỉnh cao của con người phát triển theo hướng nhân văn.

Như vậy, con người phát triển theo lý tưởng nhân văn là con người được thực sự là mình, được thực sự trở về chính mình, được phát triển tất cả các tố chất, các năng khiếu, thiên hướng thuộc bản chất nhân bản, nhân đạo, nhân văn của mình, thực hiện được tất cả những gì con người cần có và sẽ phải có.

Tư tưởng nhân văn đối với việc phát triển con người Việt Nam trong tương lai đã được Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam ghi trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời quá độ lên chủ nghĩa xã hội*: Đặt “*con người ở vị trí trung tâm của phát triển kinh tế - xã hội; con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội*”.

Việc thực hiện mục tiêu đó đã được Đảng, Nhà nước và toàn dân ta coi là *Cuộc cách mạng con người* và bằng một *Chiến lược phát triển con người; tất cả vì con người và do con người*.

Sự nghiệp giáo dục nhân văn và kết quả của giáo dục nhân văn là một quá trình, không có điểm tận cùng, cũng giống như phẩm chất nhân văn, khát vọng nhân văn, năng lực vươn tới thế giới nhân văn của con người là vô cùng tận. Có thể nói, mẫu người phát triển nhân văn - đó là lý tưởng để các nền giáo dục của từng thời đại, từng quốc gia, từng mức độ không ngừng phấn đấu vươn tới.

Ngày nhận bài: 11/09/2017. Ngày biên tập xong: 30/09/2017. Duyệt đăng: 18/10/2017